

VỀ VIỆC PHÂN KÌ VĂN HÓA VIỆT NAM

NGUYỄN XUÂN KÍNH

I. Các thuật ngữ thời kì văn hóa, giai đoạn văn hóa

Trong khi phân kì văn hóa, nhiều tác giả sử dụng các từ “thời kì”, “giai đoạn” với nghĩa khác nhau. Các tác giả Nguyễn Khánh Toàn, Lê Văn Chưởng, Hoàng Vinh, Huỳnh Công Bá sử dụng “thời kì văn hóa” với nghĩa chỉ khoảng thời gian dài hơn “giai đoạn văn hóa”, một thời kì có thể bao gồm nhiều giai đoạn. Đối với tác giả Trần Ngọc Thêm, từ “giai đoạn văn hóa” lại có nghĩa khác. Văn hóa thời chống Bắc thuộc, nếu được tác giả này gọi là một giai đoạn⁽¹⁾ thì các tác giả Đinh Gia Khánh, Hoàng Vinh lại gọi là một thời kì. Còn trong cách diễn đạt của các tác giả Trần Quốc Vượng, Chu Xuân Diên, “giai đoạn” lại dài hơn “thời kì”, một giai đoạn có thể gồm nhiều thời kì⁽²⁾.

Có tác giả lại dùng từ “kỉ nguyên”⁽³⁾. Đúng như TS. Huỳnh Công Bá nhận xét, danh từ này thường được dùng để chỉ những thời kì phát triển rực rỡ, mang tính đỉnh cao, không nên sử dụng trong việc phân kì văn hóa⁽⁴⁾.

Chúng tôi tán thành việc phân kì văn hóa thành các thời kì, trong một thời kì có thể có nhiều giai đoạn.

Thời kì văn hóa được dùng ở đây chỉ một cấu trúc văn hóa. Cấu trúc văn hóa này biểu hiện cụ thể thành một *diện mạo văn hóa* riêng tồn tại trong một khung thời gian nhất định. Cấu trúc văn hóa

này có tính ổn định tương đối trong suốt cả thời kì. Những biến đổi văn hóa trong thời kì không phá vỡ cấu trúc này, không làm cho diện mạo văn hóa đổi khác về cơ bản. Khi những biến đổi văn hóa diễn ra mạnh mẽ, phá vỡ cấu trúc và đổi khác diện mạo văn hóa của thời kì, thì sẽ có sự chuyển từ thời kì văn hóa này sang thời kì văn hóa khác.

Khái niệm *thời kì văn hóa* tuy có quan hệ nhưng không đồng nhất với khái niệm *thời kì lịch sử* của ngành sử học. Khái niệm *thời kì lịch sử* được xác định dựa vào những biến cố lịch sử và chính trị - xã hội.

Mối quan hệ giữa *thời kì văn hóa* và *thời kì lịch sử* được thể hiện trong cách xác định quan hệ *tương ứng* giữa các *thời kì văn hóa* với các *thời kì lịch sử* nhất định. Quan hệ tương ứng này nói lên tác động quan trọng của sự chuyển biến lịch sử đối với sự chuyển biến văn hóa, nhưng không có nghĩa là khi một thời kì lịch sử (với những niên đại cụ thể của nó) đi vào quá khứ thì thời kì văn hóa (với những sự kiện văn hóa của nó) tương ứng với thời kì lịch sử ấy, cũng đi vào quá khứ. Văn hóa có những hằng số của nó và sự chuyển đổi giai đoạn văn hóa không thể ấn định được bằng các mốc niên đại cụ thể như đối với các thời kì lịch sử.

Khái niệm *thời kì văn hóa* có mối quan hệ gần bó hơn với khái niệm *loại*

hình xã hội (xã hội nguyên thủy, xã hội truyền thống, xã hội hiện đại,...).

Khái niệm *thời kì văn hóa* cũng liên quan đến khái niệm *lớp lịch sử văn hóa*. Nếu *thời kì văn hóa* chú ý nhiều hơn đến sự tiến hóa của tiến trình văn hóa, thì *lớp lịch sử văn hóa* nhấn mạnh đến sự kế thừa, sự kế tục của tiến trình ấy. Thí dụ, trong thời kì văn hóa hiện đại có những yếu tố của lớp lịch sử văn hóa truyền thống và cả những yếu tố của lớp lịch sử văn hóa nguyên thủy - tất nhiên đã được cải biến, đã được “hiện đại hóa” ở những mức độ nhất định⁽⁵⁾.

II. Một số phương án phân kì văn hóa

A. Phương án của GS. Nguyễn Khánh Toàn

Năm 1983, GS. Nguyễn Khánh Toàn cho rằng nên chia lịch sử văn hóa Việt Nam làm bốn thời kì:

1/ *Thời kì thứ nhất*: Từ khi các vua Hùng dựng nước, với nền văn minh Văn Lang (hay là văn minh sông Hồng), qua giai đoạn Đông Sơn, giai đoạn Bắc thuộc cho đến khi giai đoạn này kết thúc;

2/ *Thời kì thứ hai*: Từ chiến thắng của Ngô Quyền (938 sau Công nguyên) đến thế kỉ XVI, XVII

Đây là thời kì văn minh Đại Việt nở rộ, sau đó các thế lực phong kiến tranh giành quyền lực, phá vỡ thống nhất quốc gia, tư bản phương Tây, qua các giáo hội Thiên Chúa giáo và thương nhân, bắt đầu thâm nhập vào nước ta.

3/ *Thời kì thứ ba*: Từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX

Trật tự phong kiến khủng hoảng trầm trọng, đất nước bị phân chia thành Bắc, Nam đối địch nhau, chiến tranh nông dân lan ra khắp cả nước mà phong trào Tây

Sơn là đỉnh cao, Tây Sơn chống phong kiến thống trị và chống giặc ngoại xâm.

4/ *Thời kì thứ tư*: Bắt đầu từ khi Pháp xâm lược cho đến ngày nay

Thời kì này gồm hai giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất: Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Cuộc kháng chiến chống Pháp dưới lá cờ Cần Vương - giữa thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XIX.

Giai đoạn thứ hai: Chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, châu Á thức tỉnh đấu tranh giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của chủ nghĩa dân tộc tư sản (đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất) chuyển sang cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới hai lá cờ: vì độc lập dân tộc và vì chủ nghĩa xã hội⁽⁶⁾.

Tác giả nhiều khi không định danh cho các thời kì, giai đoạn văn hóa, khi đặt tên thì lại quá dài.

B. Phương án của GS. TS. Ngô Đức Thịnh

Từ năm 1987 đến 2005, trên Tạp chí Văn hóa dân gian, GS. TS. Ngô Đức Thịnh hai lần nêu quan niệm phân kì tiến trình văn hóa Việt Nam. Năm 2005, tác giả phác họa những đường nét cơ bản của lịch sử Việt Nam thông qua tiếp cận các nền văn hóa và các giai đoạn chuyển tiếp văn hóa:

+ Nền văn hóa Đông Sơn. Gần như đồng thời với văn hóa Đông Sơn, miền Trung và Nam Bộ có văn hóa Sa Huỳnh và Đồng Nai;

+ Giai đoạn chuyển tiếp văn hóa lần thứ nhất: vào khoảng thiên niên kỉ thứ nhất sau Công nguyên (tương đương với thời kì Bắc thuộc ở nước ta);

+ Nền văn hóa Đại Việt (từ thế kỉ X - XIX);

+ Giai đoạn chuyển tiếp văn hóa lần thứ hai (từ cuối thế kỉ XIX đến 1945);

+ Nền văn hóa Việt Nam (từ 1945 đến nay).

Nền văn hóa này “hình thành và định hình trên cơ sở nền kinh tế công nghiệp hóa, ý thức hệ Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”⁽⁷⁾.

Chúng tôi tán thành khi tác giả tính mốc lịch sử văn hóa Việt Nam từ văn hóa Đông Sơn, khi tác giả quan niệm văn hóa Đại Việt kéo dài đến cuối thế kỉ XIX.

So với năm 1987, quan niệm năm 2005 của GS. Ngô Đức Thịnh có điều chỉnh. Nếu năm 2005 tác giả cho rằng, giai đoạn chuyển tiếp văn hóa lần thứ hai diễn ra từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945, thì năm 1987, tác giả quan niệm: “Quá trình chuyển đổi cấu trúc văn hóa truyền thống và hình thành văn hóa mới sẽ kết thúc vào lúc mà nước ta về cơ bản đã công nghiệp hóa, xây dựng xong về cơ bản những cơ sở vật chất, kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Quá trình này diễn ra bao trùm lên hai giai đoạn văn hóa: từ cuối thế kỉ XIX tới 1945 và từ 1945 tới nay. Nếu tính từ văn hóa Đông Sơn, đây là lần chuyển đổi cấu trúc văn hóa lần thứ hai, để hình thành nên mô hình cấu trúc văn hóa thứ ba, văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁽⁸⁾.

Chúng tôi nghĩ rằng, từ cuối thế kỉ XIX (cụ thể là năm 1884) đến nay (và đến một số năm nữa), văn hóa Việt Nam thuộc thời kì chuyển tiếp từ văn hóa truyền thống sang văn hóa công nghiệp, hiện đại.

C. Phương án của TS. Huỳnh Công Bá

Năm 1993, TS. Huỳnh Công Bá phân chia lịch sử văn hóa Việt Nam thành sáu thời kì:

1) Văn hóa Việt Nam thời kì nguyên thủy;

2) Văn hóa Việt Nam thời kì dựng nước (thời kì Văn Lang - Âu Lạc);

3) Văn hóa Việt Nam thời kì Bắc thuộc;

4) Văn hóa thời kì Đại Việt (từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX);

5) Văn hóa Việt Nam thời kì Pháp thuộc (từ năm 1862 đến 1945);

6) Văn hóa Việt Nam thời kì hiện đại (từ 1945 đến nay)⁽⁹⁾.

Hoàn thiện phương án của mình, năm 2008, TS. Huỳnh Công Bá tuy vẫn chia lịch sử văn hóa Việt Nam thành sáu thời kì, nhưng có thay đổi một vài mốc thời gian và việc định danh cho từng thời kì văn hóa có nhiều chỗ khác so với phương án phân kì mà tác giả công bố năm 1993:

1) Văn hóa Việt Nam thời kì nguyên thủy (từ 50 vạn năm cách ngày nay đến 4.000 năm cách ngày nay)

Đây là thời kì hình thành cơ tầng văn hóa bản địa của văn hóa Việt Nam. Đó là sự ra đời của nghề nông trong lòng văn hóa Hòa Bình cách ngày nay khoảng 1 vạn năm và dần dần định hình thành nền nông nghiệp lúa nước, xác lập loại hình văn hóa gốc nông nghiệp ở Việt Nam.

2) Văn hóa Việt Nam thời kì dựng nước và hình thành các văn hóa khu vực (từ 4.000 năm cách ngày nay đến năm 179 trước Công nguyên)

Đây là thời kì ra đời ba trung tâm văn hóa kim khí lớn thuộc giai đoạn đồng thau và sơ kì sắt trên đất Việt Nam: đó là văn hóa Đông Sơn, văn hóa Sa Huỳnh và văn hóa Óc Eo.

3) Văn hóa Việt Nam thời kì Bắc thuộc và tiếp biến văn hóa Ấn Độ, Trung

Hoa (từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 905 sau Công nguyên)

Đây là thời kì nghìn năm đối kháng, tiếp biến văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa, khẳng định bản lĩnh và sức sống của nền văn hóa Việt cổ, đồng thời xác lập bản sắc của văn hóa Chăm pa cổ và Phù Nam cổ.

4) Văn hóa Việt Nam thời kì hội nhập và phát triển của văn hóa truyền thống (từ năm 905 đến năm 1862)

Đây chính là thời kì hội nhập và phát triển rực rỡ của nền văn hóa Việt Nam truyền thống. Có thể chia thời kì này thành hai giai đoạn:

+ Từ đầu thế kỉ X đến hết thế kỉ XV, là giai đoạn phát triển song song và bước đầu giao thoa giữa hai nền văn hóa Đại Việt và Chăm pa.

+ Từ đầu thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX, là giai đoạn hội nhập giữa văn hóa Việt, Chăm, Khơ Me và các dân tộc ít người khác trên đất nước ta để chuẩn bị cho sự ra đời của nền văn hóa Đại Nam.

5) Văn hóa Việt Nam thời kì Pháp thuộc và tiếp biến văn hóa phương Tây (từ năm 1862 đến năm 1975)

Đây là thời kì thuộc địa và chống đế quốc, cũng là thời kì giao lưu cưỡng bức và tự nguyện với văn hóa phương Tây. Có thể chia thời kì này thành hai giai đoạn:

+ Giai đoạn từ khi thực dân Pháp chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho đến Cách mạng tháng Tám thành công còn gọi là *giai đoạn văn hóa Pháp thuộc*, là giai đoạn chạm trán quyết liệt giữa hai nền văn hóa Đông - Tây trên đất Việt Nam, tạo ra “một sự đứt gãy lịch sử chưa từng có” (Trần Quốc Vượng) ở Việt Nam.

+ Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 là 30 năm “vừa kháng chiến vừa

kiến quốc”, còn gọi là *giai đoạn văn hóa kháng chiến*, và nền văn hóa Việt Nam vẫn mang đậm dấu ấn của cuộc đấu tranh chống đế quốc.

6) Văn hóa Việt Nam thời kì đương đại (từ năm 1975 đến nay)

Đây là thời kì đất nước độc lập, thống nhất và ra sức xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nên có thể gọi là “Thời kì xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Có thể chia thời kì này thành hai giai đoạn:

+ Giai đoạn thứ nhất: từ 1975 đến 1985;

+ Giai đoạn thứ hai: từ 1986 đến nay⁽¹⁰⁾.

Đây là phương án phân kì hoàn chỉnh. Việc định danh các thời kì, giai đoạn được tiến hành nhất quán và phản ánh nội dung chủ yếu của từng thời kì, giai đoạn đó. Chúng tôi chưa tán thành khi ở thời kì thứ ba, tác giả chọn mốc năm 905 (không chọn mốc năm 938 hoặc 939); ở thời kì thứ tư, tác giả chọn mốc năm 1862 (không chọn mốc năm 1883 hoặc 1884).

D. Phương án của GS. Đinh Gia Khánh

Năm 1995, trong cuốn sách *Các vùng văn hóa Việt Nam* của nhiều tác giả mà GS. Đinh Gia Khánh là một đồng chủ biên, ông đã phân chia tiến trình văn hóa Việt Nam thành năm thời kì:

- 1) Thời kì tiền sử;
- 2) Thời kì sơ sử và thời kì lịch sử buổi đầu (thời kì Văn Lang - Âu Lạc);
- 3) Thời kì Bắc thuộc;
- 4) Thời kì Đại Việt (từ năm 938 đến năm 1862);

5) Thời kì cận hiện đại.

GS. Đinh Gia Khánh chia thời kì thứ năm thành hai giai đoạn:

- + Giai đoạn Pháp thuộc (1862 - 1945);
- + Giai đoạn nước Việt Nam độc lập (từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến nay)⁽¹¹⁾.

Đúng như nhận xét của TS. Huỳnh Công Bá, ở phương án này, tên gọi của thời kì thứ hai, tác giả sử dụng cả hai thuật ngữ “thời kì sơ sử” và “thời kì lịch sử buổi đầu” là trùng lặp⁽¹²⁾. Ngoài ra, chúng tôi chưa tán thành việc chọn mốc năm 1862 là thời gian kết thúc thời kì Đại Việt.

E. Phương án của GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm

Năm 1995, trong cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* và các năm 1996, 1997, 2001, trong lần xuất bản và hai lần tái bản *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, GS. Trần Ngọc Thêm đều phân tích tiến trình văn hóa Việt Nam. Theo tác giả, tiến trình này “có thể chia thành sáu giai đoạn: văn hóa thời tiền sử, văn hóa Văn Lang - Âu Lạc, văn hóa thời chống Bắc thuộc, văn hóa Đại Việt, văn hóa Đại Nam và văn hóa hiện đại. Sáu giai đoạn này tạo thành ba lớp chồng lên nhau: lớp văn hóa bản địa, lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực, lớp giao lưu với văn hóa phương Tây. Mỗi lớp văn hóa còn ứng với một thời kì phát triển khác nhau của văn tự Việt Nam”⁽¹³⁾.

Khác với nhiều tác giả khác (Đinh Gia Khánh, Nguyễn Duy Hình...), GS. Trần Ngọc Thêm quan niệm văn hóa Đại Việt là văn hóa dưới các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần - Hậu Lê - Tây Sơn. Tác giả còn quan niệm: “Giai đoạn văn hóa Đại Nam được chuẩn bị từ thời các chúa Nguyễn và kéo dài hết thời

Pháp thuộc và chống Pháp thuộc. “Đại Nam” là quốc hiệu chủ yếu của nước ta trong giai đoạn này, có từ thời Minh Mạng trở đi, ý nói rằng nước Việt Nam từ nay có bờ cõi rộng lớn, được dùng để chỉ chung cho cả một giai đoạn văn hóa dài khởi đầu từ thời các chúa Nguyễn”⁽¹⁴⁾. Về các quan niệm của GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm, TS. Huỳnh Công Bá cho rằng mốc thời gian của văn hóa Đại Nam bắt đầu từ thế kỉ XVI là “khó được chấp nhận”. “Hơn nữa, văn hóa Đại Nam không thể tách thành một thời kì riêng, nằm ngoài khung thời gian của thời kì chế độ phong kiến độc lập tự chủ. Ngay đối với triều Nguyễn cũng không thể ghép chung hai giai đoạn độc lập tự chủ và Pháp thuộc lại với nhau thành một thời kì. Về mốc mở đầu của giai đoạn văn hóa Văn Lang - Âu Lạc, tác giả lấy mốc khoảng giữa thiên niên kỉ III trước Công nguyên là không phù hợp với kết quả nghiên cứu của giới Sử học hiện nay...”⁽¹⁵⁾. Chúng tôi tán thành ý kiến của TS. Huỳnh Công Bá.

G. Phương án của GS. Trần Quốc Vượng và cộng sự

Năm 1997, trong cuốn sách *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, GS. Trần Quốc Vượng phân chia diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam thành năm giai đoạn:

- 1) Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử;
- 2) Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu Công nguyên;
- 3) Văn hóa Việt Nam thời tự chủ;
- 4) Văn hóa Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945;
- 5) Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay⁽¹⁶⁾.

Chúng tôi chưa tán thành việc chọn mốc năm 1858 (năm giặc Pháp nổ súng

xâm lược Đà Nẵng) là thời gian kết thúc thời tự chủ của nước ta.

H. Phương án của TS. Lê Văn Chưởng

Năm 1999, trong cuốn sách *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, TS. Lê Văn Chưởng phân văn hóa Việt Nam thành năm thời kì lớn:

1) Thời kì hình thành cơ tầng văn hóa bản địa (thời tiền sử);

2) Thời kì xác lập bản sắc văn hóa Việt (thời Văn Lang - Âu Lạc);

3) Thời kì giao lưu văn hóa Bắc thuộc và hình thành văn hóa truyền thống Việt Nam;

4) Thời kì văn hóa Đại Việt (938 - 1858)

Thời kì này gồm ba giai đoạn: từ nhà Ngô đến nhà Trần; nhà Hậu Lê; các nhà Nguyễn.

5) Thời kì văn hóa giao lưu với Âu Tây và độc lập (thời Pháp thuộc và độc lập)

Thời kì này gồm hai giai đoạn: thời Pháp thuộc và thời độc lập tự chủ⁽¹⁷⁾.

Chúng tôi chưa tán thành việc chọn mốc năm 1858 là năm cuối cùng của thời kì văn hóa Đại Việt.

I. Phương án của PGS. Chu Xuân Diên

Năm 2002, sau khi nêu quan niệm về *giai đoạn văn hóa*, phân biệt giai đoạn văn hóa với *giai đoạn* (hay *thời kì*) *lịch sử*, PGS. Chu Xuân Diên phân tiến trình văn hóa Việt Nam thành ba giai đoạn chính dưới đây:

1) Giai đoạn hình thành những nền tảng của văn hóa Việt Nam (thời kì tiền sử và sơ sử);

2) Giai đoạn văn hóa truyền thống, được xác lập trên cơ sở những biến đổi của các nền văn hóa tiền sử và sơ sử

trong thời kì Bắc thuộc rồi dần dần định hình trong thời kì Đại Việt;

3) Giai đoạn bước đầu hình thành nền văn hóa hiện đại (thời kì cận đại và đương đại)⁽¹⁸⁾.

Như trên đã nói, trong khi nhiều tác giả quan niệm “thời kì” dài hơn “giai đoạn”, trong một thời kì, có thể có nhiều giai đoạn thì PGS. Chu Xuân Diên lại dùng các từ trên với nghĩa ngược lại. Chúng tôi chưa tán thành việc tác giả chọn mốc năm 1858 là thời gian kết thúc thời kì Đại Việt.

K. Phương án của GS. TS. Hoàng Vinh

Năm 2003, trong cuốn sách *Những vấn đề văn hóa trong lịch sử truyền thống Việt Nam*, GS. Hoàng Vinh cho rằng, “phân kì lịch sử văn hóa ở nước ta không nhất thiết phải căn cứ vào sự thay đổi của các hình thái kinh tế - xã hội” (tr. 27). Dựa vào các cột mốc chính trị quan trọng, tác giả chia tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam thành năm thời kì:

1) Văn hóa thời kì dựng nước (còn gọi là thời kì Văn Lang - Âu Lạc);

2) Văn hóa thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc;

3) Văn hóa thời kì Đại Việt (bắt đầu từ năm 939, kết thúc năm 1884);

4) Văn hóa thời kì Pháp thuộc và chống Pháp thuộc (từ năm 1884 đến đại thắng mùa xuân năm 1975);

5) Văn hóa thời kì Việt Nam xã hội chủ nghĩa (bắt đầu từ Đại hội IV của Đảng Cộng sản (năm 1976) cho đến nay)⁽¹⁹⁾.

Chúng tôi tán thành việc tác giả chọn các mốc năm 939 và năm 1884. Về hạn chế, việc tác giả định danh cho thời kì thứ tư không chính xác, vì sau hiệp định Giơnevơ (1954), đến giữa năm 1955, chính phủ Pháp tuyên bố chấm dứt chế độ cao ủy ở

miền Nam. Thay thế thực dân Pháp là đế quốc Mỹ, điều này ai cũng rõ⁽²⁰⁾.

III. Đề xuất một phương án phân kì văn hóa

Tiếp thu thành quả của các tác giả đi trước, chúng tôi hình dung lịch sử văn hóa Việt Nam gồm bốn thời kì dưới đây:

1) *Thời kì hình thành nền tảng của văn hóa Việt Nam (từ khoảng 6 - 7 thế kỉ trước Công nguyên đến đầu Công nguyên)*

Trên dải đất Việt Nam hiện nay, thời kì này có ba nền văn hóa: Đông Sơn (ở Bắc Bộ), Sa Huỳnh (ở Trung Bộ) và Đồng Nai (ở Nam Bộ).

Tiếp thu quan niệm của các giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, Ngô Đức Thịnh, Hoàng Vinh, chúng tôi chọn mốc bắt đầu của lịch sử văn hóa Việt Nam là từ văn hóa Đông Sơn.

2) *Thời kì Bắc thuộc và tiếp biến văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ (thiên niên kỉ đầu Công nguyên);*

3) *Thời kì văn hóa truyền thống trong quốc gia độc lập (từ năm 939 đến 1884)*

Tiếp thu quan niệm của GS. Nguyễn Khánh Toàn, GS. Đinh Gia Khánh, TS. Lê Văn Chưởng, PGS. Nguyễn Duy Hình⁽²¹⁾, GS. Hoàng Vinh, chúng tôi chọn mốc năm 939 (hoặc năm 938) là mốc mở đầu thời kì này. Chúng tôi không chọn mốc năm 905 vì lúc đó Khúc Thừa Dụ chỉ mới xưng tiết độ sứ (một chức quan do đô hộ phương Bắc bổ nhiệm); còn năm 939, Ngô Quyền xưng vương.

Tán thành quan niệm của GS. Hoàng Vinh, về thời gian kết thúc thời kì này, chúng tôi chọn mốc năm 1884. Đó là thời gian thực dân Pháp kí hiệp ước Patonốt, đặt ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam. PGS. Nguyễn Duy Hình chọn mốc 1883 là năm Pháp kí hiệp ước Hác măng, chỉ trước

mốc 1884 một năm. Mốc này cũng chấp nhận được. Chúng tôi không chọn mốc 1858 là năm giặc Pháp tấn công Đà Nẵng (GS. Trần Quốc Vượng, PGS. Chu Xuân Diên chọn mốc này), cũng không chọn mốc 1862 là năm giặc Pháp chiếm xong ba tỉnh miền Đông Nam Bộ (GS. Đinh Gia Khánh, TS. Huỳnh Công Bá chọn mốc này). Thời kì này, với hai mốc thời gian mở đầu và kết thúc như thế được nhiều tác giả (Nguyễn Duy Hình, Hoàng Vinh) gọi là thời kì văn hóa Đại Việt.

4) *Thời kì chuyển tiếp từ văn hóa truyền thống sang văn hóa công nghiệp, hiện đại*

Ở đây, chúng tôi tiếp thu quan niệm đã công bố năm 1987 của GS. Ngô Đức Thịnh⁽²²⁾.

Thời kì này chia làm hai giai đoạn:

a/ Giai đoạn từ năm 1884 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945;

b/ Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

Cuối cùng, trong khi tiếp thu kinh nghiệm và thành quả nghiên cứu lịch sử văn hóa của các tác giả đi trước, chúng tôi rất tâm đắc với ý kiến sau của PGS. Chu Xuân Diên. Đây chỉ là một chú thích nhưng theo chúng tôi, chú thích này có ý nghĩa phương pháp luận đối với việc nghiên cứu lịch sử văn hóa. Sau khi phân tích mối liên hệ giữa *giai đoạn văn hóa* với *lớp lịch sử văn hóa*, tác giả ghi chú: “Với cách hiểu về giai đoạn văn hóa như vậy thì việc dựng lại và mô tả diện mạo văn hóa của từng giai đoạn không chỉ cần phải dựa trên cơ sở các *sử liệu* có niên đại thuộc thời kì lịch sử tương ứng với giai đoạn văn hóa ấy, mà còn có thể và cần thiết phải dựa vào cả những *tài liệu dân tộc học* miêu tả văn hóa tộc người thuộc các thời kì lịch sử *muộn hơn* về sau nữa. Bởi vì trong các tài liệu miêu tả văn hóa

tộc người như thế, có những sự kiện văn hóa tuy thuộc cấu trúc văn hóa của giai đoạn sau nhưng cũng chính là những yếu tố văn hóa *vốn đã từng* thuộc cấu trúc văn hóa của giai đoạn trước được *chuyển sang* giai đoạn sau theo quy luật kế thừa đối với các lớp lịch sử văn hóa. Hơn nữa, có nhiều tài liệu miêu tả dân tộc học đã được thu thập không phải bằng phương pháp quan sát thực tiễn, mà bằng cách “thăm hỏi hồi cố”. Nhiều tài liệu miêu tả dân tộc học về làng xã truyền thống Việt Nam chẳng hạn đã được viết ra nhờ vào những “thăm hỏi hồi cố” như vậy⁽²³⁾. □

N.X.K

CHÚ THÍCH

(1) Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, in lần thứ ba, sửa chữa bổ sung, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 75.

Theo Huỳnh Công Bá (2008), *Lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 46, năm 1991, Trần Ngọc Thêm phân chia tiến trình văn hóa Việt Nam thành sáu kỉ nguyên:

- 1) Văn hóa thời tiền sử;
- 2) Văn hóa Văn Lang - Âu Lạc;
- 3) Văn hóa thời Bắc thuộc;
- 4) Văn hóa thời Đại Việt (từ nhà Đinh đến Tây Sơn);
- 5) Văn hóa thời Nguyễn;
- 6) Văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Cũng theo Huỳnh Công Bá, đến năm 1994, tác giả Trần Ngọc Thêm đã điều chỉnh và quy sáu giai đoạn đó thuộc về ba lớp văn hóa:

(A) “Lớp văn hóa bản địa” gồm hai giai đoạn: a/ Văn hóa thời tiền sử; b/ Văn hóa Văn Lang - Âu Lạc;

(B) “Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa Trung Hoa và khu vực” gồm hai giai đoạn: a/ Văn hóa thời chống Bắc thuộc; b/ Văn hóa Đại Việt;

(C) “Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây” gồm hai giai đoạn: a/ Văn hóa Đại Nam; b/ Văn hóa hiện đại.

Chúng tôi chưa có dịp đọc trực tiếp các tài liệu năm 1991, 1994. Từ năm 1995 (*Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xb, tr. 56), năm 1997 (*Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, in lần thứ hai, tr. 82) cho đến năm 2001 (bản đã dẫn) không thấy Trần Ngọc Thêm sử dụng từ “kỉ nguyên”.

(2) a/ Trần Quốc Vượng chủ biên, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bên, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 176, 183.

b/ Chu Xuân Diên (2002), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 34 - 35, tr. 266.

Sách này năm 1999 đã được in, không đề cơ quan chịu trách nhiệm công bố và số lượng in. Về cơ bản, nội dung hai lần in (1999 và 2002) là một.

(3) Nguyễn Khắc Thuần (2007), *Tiến trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỉ XIX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 271, 273.

(4) Huỳnh Công Bá (2008), sdd, tr. 48.

(5) Chu Xuân Diên (2002), sdd, tr. 33 - 34.

Chu Xuân Diên dùng cụm từ *giai đoạn văn hóa* với ý nghĩa chỉ đơn vị thời gian lớn nhất (cấp độ) khi phân kì lịch sử văn hóa, nghĩa của cụm từ này tương đương với *thời kì văn hóa* do Huỳnh Công Bá và một số tác giả khác sử dụng. Vì vậy, chúng tôi xin phép tác giả đổi cụm từ *giai đoạn văn hóa* thành *thời kì văn hóa*, việc sửa đổi này không làm sai lệch tư tưởng học thuật của tác giả.

(6) Nguyễn Khánh Toàn (1999), *Khoa học xã hội và nhân văn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 558 - 559.

Theo chú thích của nhóm sưu tầm, tuyển chọn, bản đề cương *Lịch sử văn hóa Việt Nam* do GS. Nguyễn Khánh Toàn chấp bút được in rônêo năm 1983, năm 1999 được đưa vào sách này với tên gọi “Về bộ Lịch sử văn hóa Việt Nam” (tr. 555 - 606).

(7) Ngô Đức Thịnh (2005), “Một cách tiếp cận về lịch sử văn hóa Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Hà Nội, số 2, tr. 8. Chỗ nhấn mạnh là do N.Đ.T.

(8) Ngô Đức Thịnh (1987), “Quá trình chuyển đổi cấu trúc văn hóa truyền thống và hình thành văn hóa Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Hà Nội, số 3.

(9) Huỳnh Công Bá (2008), sdd, tr. 45 - 46.

(10) Huỳnh Công Bá (2008), sdd, tr. 48 - 56.

(11) Đinh Gia Khánh và Cù Huy Cận chủ biên (1995), *Các vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 7 - 33.

(12) Huỳnh Công Bá (2008), sdd, tr. 47.

(13) a/ Trần Ngọc Thêm (1995), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, sdd, tr. 56.

b/ Trần Ngọc Thêm (1997) và (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, sdd, tr. 82 và tr. 75.

(14) Trần Ngọc Thêm (2001), sdd, tr. 91.

(15) Huỳnh Công Bá (2008), sdd, tr. 46.

(16) Trần Quốc Vượng chủ biên, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bên, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh (1997), sdd, tr. 113, các tác giả gọi thời tự chủ của quốc gia Đại Việt từ năm 938 cho đến năm 1858 là một giai đoạn.

(17) Lê Văn Chưởng (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 52 - 90.

(18) Chu Xuân Diên (2002), sdd, tr. 34 - 35.

(19) Hoàng Vinh (2003), *Những vấn đề văn hóa trong lịch sử truyền thống dân tộc Việt Nam*, Viện Văn hóa và Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin xb, tr. 28 - 32.

Tại tr. 3, sách này ghi năm xuất bản là 2002, nhưng mục “In xong và nộp lưu chiểu” (trang cuối cùng) lại ghi “quý I năm 2003”. Vì vậy, năm xuất bản của sách này là 2003.

TS. Huỳnh Công Bá (2008), tr. 47 - 48, cho biết: Năm 1996, GS. TS. Hoàng Vinh phân chia tiến trình văn hóa Việt Nam thành năm thời kì như sau:

1) Thời kì Văn Lang - Âu Lạc, các vua Hùng dựng nước (từ 3.000 năm cách này nay đến năm 179 trước Công nguyên);

2) Thời kì đô hộ của các đế chế phong kiến phương Bắc (từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 938 sau Công nguyên);

3) Thời kì văn hóa Đại Việt (từ nửa đầu thế kỉ X đến nửa sau thế kỉ XIX);

4) Thời kì thống trị của các chế độ thực dân (cũ và mới) phương Tây (từ năm 1884 đến năm 1975);

5) Thời kì xây dựng nền văn hóa Việt Nam có nội dung tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, theo định hướng xã hội chủ nghĩa (từ năm 1976 đến nay).

(20) Đến đây, chúng tôi đã trình bày chín phương án phân kì văn hóa. Xin nói thêm: Trong sách *Tiến trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỉ XIX* (Nxb. Giáo dục, 2007), tác giả Nguyễn Khắc Thuần phân kì văn hóa Việt Nam từ đầu đến hết thế kỉ XIX như sau:

1) Văn minh sông Hồng (văn minh dựng nước);

2) Cuộc đối đầu Việt - Hán;

3) Kỉ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất (905 - 1527);

4) Thời kì đổ nát của nền thống nhất quốc gia (1527 - 1801).

(21) Nguyễn Duy Hinh (2005), *Văn minh Đại Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội. Tác giả viết: “Thuật ngữ Đại Việt dùng ở đây chỉ một truyền thống văn hóa từ năm 939 khi Ngô Quyền xưng vương đến năm 1883 khi nước Pháp đặt chính quyền đô hộ” (tr. 385 - 386).

(22) Chu Xuân Diên (2002), sdd, tr. 266, tên chương sáu là “Văn hóa Việt Nam từ giữa thế kỉ XIX đến nay: những biến đổi của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại”. Cách đặt tên chương cho thấy quan niệm về sự chuyển tiếp văn hóa. Tuy nhiên, chúng tôi chưa tán thành khi tác giả chọn mốc năm 1858 mở đầu cho thời kì chuyển tiếp từ văn hóa truyền thống sang văn hóa công nghiệp, hiện đại.

(23) Chu Xuân Diên (2002), sdd, tr. 34. Những chỗ in nghiêng là do C.X.D nhấn mạnh.